

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2022/DS-ST**
Ngày 17-5-2022
V/v tranh chấp hội và vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng
Ông Trần Công Đăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 16, 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hội và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1959 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 6, xã L, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* 1. Anh Trần Hồng A, sinh năm 1982 (có mặt)

2. Chị Lâm Thị T, sinh năm 1982 (có mặt)

Cùng cư trú: Ấp 5, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1967 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 6, xã L, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn Q trình bày: Ông Phạm Văn Q yêu cầu anh Trần Hồng A và chị Lâm Thị T trả số tiền hội và tiền vay còn nợ. Cụ thể:

- Dây hội mở ngày 15/5/2020 (giao dịch các đương sự đều tính ngày âm lịch), loại hội 5.000.000 đồng, tháng khai 01 kỳ, tổng 27 phần, anh A và chị T tham gia 01 phần, đã hót kỳ đầu. Sau khi hót, bị đơn đã đóng hội chết đến tháng 7/2021, tính đến mãn hội vào tháng 7/2022 là 13 kỳ x 5.000.000 đồng = 65.000.000 đồng. Đối trừ số tiền đã đóng 3.000.000 đồng, anh A và chị T còn

nợ lại số tiền 62.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 15/9/2020 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, tháng khui 01 kỳ, tổng 26 phần, anh A và chị T tham gia 02 phần, đã hốt kỳ đầu 01 phần, phần còn lại hốt vào kỳ thứ 4 (tháng 12/2020). Sau khi hốt, bị đơn đã đóng hụi chết đến hết tháng 8/2021, tháng 9/2021 đóng được 3.000.000 đồng, còn nợ lại 7.000.000 đồng. Tính đến mãn hụi vào tháng 10/2022 thì bị đơn còn nợ lại là 13 kỳ x 5.000.000 đồng x 02 phần = 130.000.000 đồng. Tổng cộng còn nợ lại 137.000.000 đồng.

- Ngày 24/6/2021, anh A có vay của ông Q số tiền 10.000.000 đồng, đã trả được 4.800.000 đồng, còn nợ lại 5.200.000 đồng.

Đến ngày 06/12/2021 anh A và chị T làm biên nhận nợ tổng cộng số tiền hụi và tiền vay của ông Q là 204.200.000 đồng. Trong quá trình khởi kiện tại Tòa án, anh A và chị T đã trả 5.000.000 đồng, đối trừ, ông Q tiếp tục yêu cầu anh A và chị T trả tổng số tiền là 199.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Q yêu cầu anh A và chị T trả tiền hụi đến ngày 16/4/2022 âm lịch (ngày xét xử sơ thẩm) như sau: Dây hụi mở ngày 15/5/2020, còn nợ 10 kỳ x 5.000.000 đồng = 50.000.000 đồng, đối trừ 3.000.000 đồng đã trả, anh A và chị T còn nợ lại 47.000.000 đồng. Dây hụi mở ngày 15/9/2020, còn nợ (07 kỳ x 02 phần x 5.000.000 đồng) + 7.000.000 đồng (số tiền còn nợ lại của kỳ khui hụi tháng 9/2021) = 77.000.000 đồng. Nay ông Q yêu cầu anh A và chị T trả tổng số tiền hụi và vay là 129.200.000 đồng.

Bị đơn anh Trần Hồng A và chị Lâm Thị T trình bày: Anh A và chị T thống nhất với lời trình bày của ông Q về quá trình tham gia hụi, thời gian hốt. Anh A, chị T thống nhất và đồng ý trả cho ông Q số tiền hụi và vay tính đến ngày 16/4/2022 (âm lịch) còn nợ lại là 129.200.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Đ trình bày: Quá trình giao dịch hụi, ông Q là chủ hụi và có giao dịch hụi với vợ chồng anh A và chị T; ông Q có cho anh Ân vay tiền như ông Q trình bày. Nay bà thống nhất với lời trình bày của ông Q và không bổ sung ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Tại phiên tòa, các bên đương sự thống nhất quá trình giao dịch hụi, số tiền vay và đối trừ số tiền đã thanh toán tính đến ngày 16/4/2022 âm lịch (ngày xét xử sơ thẩm), anh A và chị T thừa nhận và đồng ý trả cho ông Q số tiền còn nợ lại đối với 02 dây hụi là 124.000.000 đồng và tiền vay là 5.200.000 đồng. Tổng số tiền là 129.200.000 đồng. Xét thấy, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là trên tinh thần tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Đối với khoản nợ hui phát sinh từ hai dây hui nêu trên kể từ kỳ khai hui tiếp theo (ngày 15/5/2022 âm lịch) cho đến khi mãn hui, anh A và chị T không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận giao dịch hui giữa các bên thì ông Q có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa, anh A và chị T cho rằng hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, anh Trần Hồng A và chị Lâm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: $129.200.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.460.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Q tự nguyện chịu một phần án phí cho bị đơn là 2.000.000 đồng nên được chấp nhận. Phần án phí còn lại bị đơn phải chịu là 4.460.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Q. Buộc anh Trần Hồng A và chị Lâm Thị T cùng có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn Q số tiền nợ hui tính đến ngày 16 tháng 4 năm 2022 (âm lịch) là 124.000.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng) và số tiền vay là 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Hồng A và chị Lâm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.460.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), chưa nộp.

Ông Phạm Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Phạm Văn Q, anh Trần Hồng A, chị Lâm Thị T và bà Lý Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út